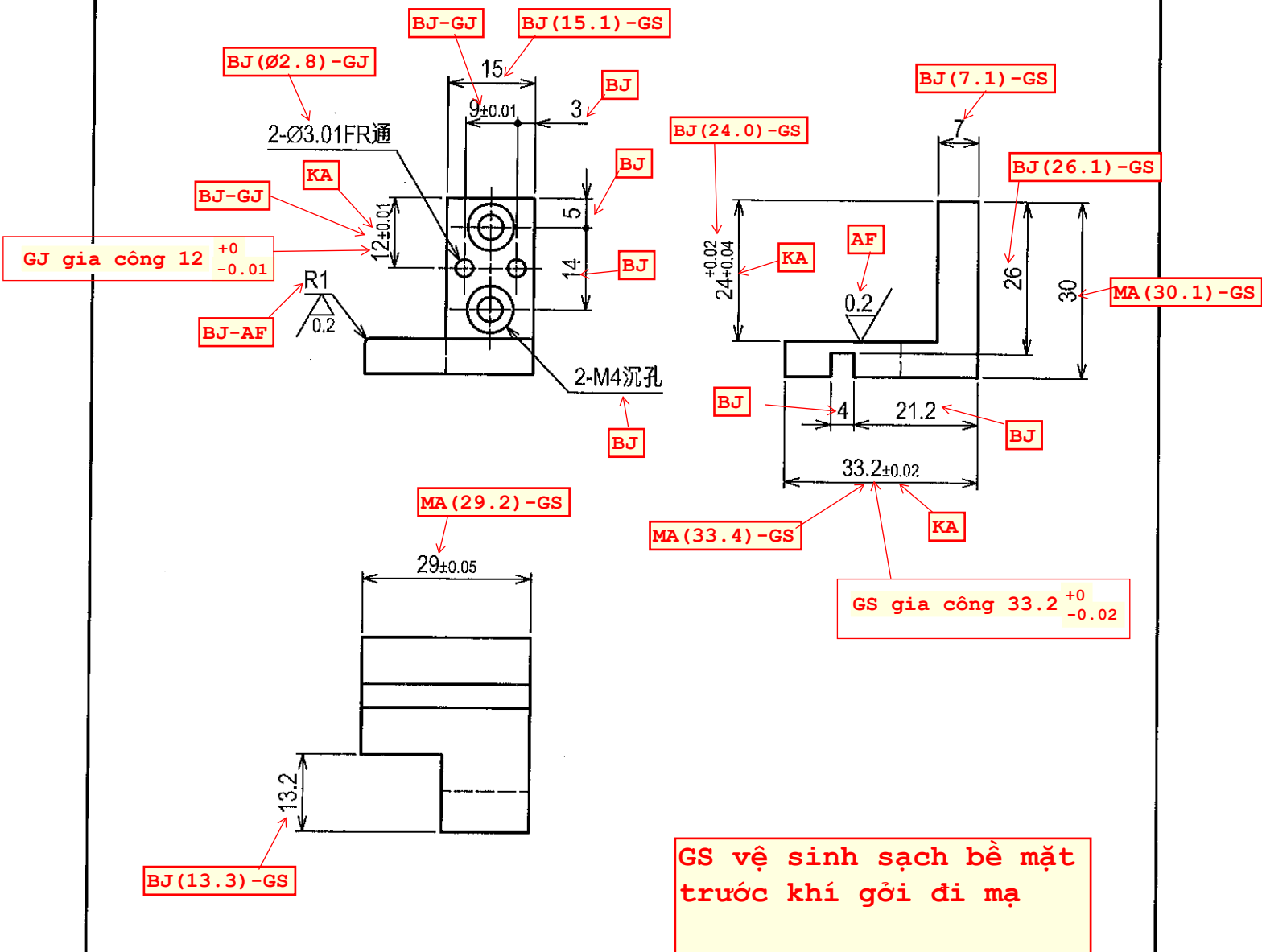


0023

4143110023.R134315 - GIA CONG 31/01/2024

| REV.   | DATE       | DESCRIPTION | REF.No. | DWN. | CHKD. | CUTTING TOLERANCE   |
|--|------------|-------------|---------|------|-------|---|
| init.  | 2017/10/30 | 新規作成        |         |      |       | 0.5 ≤ , ≤ 6 ± 0.1   |
| △  |            |             |         |      |       | 6 < , ≤ 30 ± 0.2  |
| △  |            |             |         |      |       | 30 < , ≤ 120 ± 0.3  |
| △  |            |             |         |      |       | 120 < , ≤ 400 ± 0.5   |
| <b>XUẤT BẢN VẼ</b><br><b>BẢN VẼ DÙNG</b><br><b>CHÈ TẮC - NGHIỆM THU</b><br><b>HỦY SAU KHI HOÀN TẤT</b> |            |             |         |      |       | TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k |
|  |            |             |         |      |       | FINISH MARKS  |
|  |            |             |         |      |       | 3.2 / (0.2)   |

指示外C0.5



GS vệ sinh sạch bề mặt trước khi gói đi mạ

メッキはフラッシュメッキ (5μ以下) の事

| DSGND.          | CHKD.      | TITLE |  | PARTS NAME |
|-----------------|------------|-------|--|------------|
| ChangZheng_Zhou | Ming_Lv    | 部品图   |  | 挡板         |
| QUENCH&TEMPER   | SURFACE    |       |  |            |
| HRC 55~60       | SEH-CR     | SCALE |  | DWG.No.    |
| MATERIAL        | DATE       |       |  |            |
| SKS3            | 2012-09-16 | 1:1   |  | R134315    |

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: **R134315**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

| DIỄN GIẢI   | THỜI GIAN CHUẨN 1P  |
|---|---|
| <b>1.VẬT LIỆU:</b><br><b>SKS3</b><br><b>T32*35*39</b> | <b>AA:20</b><br><b>MA:40</b><br><b>BJ:60</b><br><b>HT:40</b><br><b>GS:60</b><br><b>GJ:90</b><br><b>AF:20</b><br><b>KA:1</b><br><b>LT:1</b><br><b>KT</b> |